

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Định**.

Bà **Nguyễn Thị Bích Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Bích Thủy**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Anh Ph**- Sinh năm 1995.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC số 5, Th, phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị T**– Sinh năm 1996.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC số 5, Th, phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1974. Địa chỉ: KDC số 5, Th, phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người được anh Ph ủy quyền về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị **Vũ Thị Ch**, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC Tr, phường Đ, thành phố

Ch, tỉnh Hải Dương.

5. *Người được chị Tươi ủy quyền về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án:* Anh Đặng Thái L, sinh năm 1985. Địa chỉ: 130 Th, phường S, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Anh Phtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Tquen biết nhau trong thời gian cùng đi lao động tại Hàn Quốc, sau thời gian tìm hiểu anh chị quyết định tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương, ngày 29/6/2017. Sau khi kết hôn anh chị tiếp tục sang làm việc tại Hàn Quốc, cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, lối sống và khúc mắc kinh tế khiến anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, xung đột. Mặc dù cùng ở nước ngoài nhưng vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Trần Thị Ttheo quy định.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Gia H- sinh ngày 07/8/2019 hiện đang ở với bà Phạm Thị L (là mẹ đẻ anh). Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh tự nguyện không yêu cầu chị Trần Thị Tphải cấp dưỡng cho con. Do hiện nay anh đang lao động tại nước ngoài nên anh đề nghị để bà Phạm Thị L (là mẹ đẻ anh) tạm nuôi con chung trong thời gian anh không có mặt ở Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Trần Thị Ttrình bày: Về quan hệ hôn nhân như anh Ph đã trình bày. Sau khi về nước đăng ký kết hôn anh chị lại tiếp tục sang Hàn Quốc lao động. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu về mặt kinh tế, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay anh Ph có đơn xin ly hôn, chị xác định vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, tình cảm không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung vợ chồng chị có một con chung như anh Ph trình bày, do hiện nay con chung đang sinh sống, học tập ổn định cùng với mẹ đẻ anh Ph là bà L nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Ph cùng bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ph 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Tại đơn trình bày của bà Phạm Thị L (mẹ đẻ anh Nguyễn Anh Ph) thể

hiện: Do anh Ph và chị Tươi cùng lao động tại nước ngoài nên từ trước đến nay bà là người nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H, hiện nay cháu rất khỏe mạnh và phát triển đầy đủ về mọi mặt. Bà L nhất trí sự ủy quyền của anh Ph về việc tạm nuôi con chung trong thời gian anh Ph không ở tại Việt Nam và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Anh Ph, chị Trần Thị Tvà bà Phạm Thị L vắng mặt và đều có đơn, quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Anh Ph ly hôn chị Trần Thị Tươi; Về quan hệ nuôi con: Giao con chung Nguyễn Gia H - sinh ngày 07/8/2019 cho anh Ph chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Tươi cấp dưỡng cho con chung 2.000.000 đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Trong thời gian anh Ph không có mặt ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Gia H cho bà Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Anh Nguyễn Anh Ph phải chịu án phí sơ thẩm dân sự (ly hôn), chị Trần Thị Tươi phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Anh Ph không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng có điểm chỉ dấu vân tay trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại Kết luận giám định số 25/KL-KTHS(ĐV) ngày 03/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận: Dấu vân tay trong các tài liệu mà anh Ph gửi về so với dấu vân in trong giấy chứng minh nhân dân số 142767716 mang tên Nguyễn Anh Ph là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng ly hôn của anh Ph. Bị đơn chị Trần Thị Tươi có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu dân cư số 5 Th, phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Trong thời gian nghỉ phép về nước chị Tươi có làm bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền. Các tài liệu này đều có xác nhận của UBND

phường Cộng Hòa, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương nên có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, quan điểm của chị Tươi về việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, anh Ph, chị Tươi và bà L vắng mặt nhưng đều có đơn, quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh Ph và chị Trần Thị Tkết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương, ngày 29/6/2017, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm và kinh tế gia đình. Mặc dù cùng ở nước ngoài nhưng vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải để vợ chồng cùng bỏ qua mâu thuẫn và tìm biện pháp hàn gắn tình cảm nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Bản thân chị Tươi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Anh Ph và chị Trần Thị T đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Nguyễn Anh Ph ly hôn chị Trần Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Anh Ph và chị Trần Thị T có một con chung là Nguyễn Gia H- sinh ngày 07/8/2019. Xét về thực tế con chung hiện đang ở cùng với bà L (mẹ đẻ anh Ph). Anh Nguyễn Anh Ph ủy quyền cho bà L nuôi con trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Chị Tươi cũng nhất trí khi ly hôn để anh Ph và bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, HĐXX căn giao cho anh Ph nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và đảm bảo sự ổn định, phát triển về mọi mặt của con chung. Về cấp dưỡng cho con: Mặc dù anh Ph không đề nghị chị Tươi cấp dưỡng cho con tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị Tươi cấp dưỡng cho con là 2.000.000đ/tháng. Như vậy là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh Ph không ở Việt Nam, tạm giao cháu Nguyễn Gia H cho bà Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu chị Tươi có căn cứ cho rằng anh Ph không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Anh Phlà nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm; chị Trần Thị Tphải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Nguyễn Anh Phly** hôn chị **Trần Thị Tươi**.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Anh Phchăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Gia H - sinh ngày 07/8/2019. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Tcấp dưỡng cho con chung Nguyễn Gia H số tiền là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Trong thời gian anh Nguyễn Anh Phkhông có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Gia H cho bà Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở chị Trần Thị Tthực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Anh Phphải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Vũ Thị Chang

nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003964 ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Trần Thị Tphải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Anh Ph và chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Ph, thành phố Ch, Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân